

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 75 /2024/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày 30 tháng 9 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc
thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Yên Bái

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật
Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ
sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ về đất đai đối với
đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra
số 189/BC-BKTNS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024 về chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

b) Hộ gia đình, cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo hiện không có đất ở, đất sản xuất hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân là người dân tộc thiểu số đã được hỗ trợ đất theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này nhưng trong quá trình sử dụng đất bị mất đất do thiên tai, bị sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác mà không còn khả năng sử dụng thì tiếp tục được xem xét hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

2. Trong quá trình thực hiện chính sách nếu có văn bản khác quy định cùng một chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân là người dân tộc thiểu số thì người sử dụng đất chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ với mức cao nhất trong các chính sách hiện hành.

Điều 3. Chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng

1. Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng thì mỗi thôn, bản, tổ dân phố được bố trí một quỹ đất với diện tích tối thiểu là 100 m² đất để xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng bảo đảm phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương.

2. Nhà nước giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đất ở, đất nông nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

1. Hộ gia đình, cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không có đất ở, đất sản xuất hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất so với hạn mức quy định được hưởng chính sách hỗ trợ đất đai như sau:

- a) Giao đất ở trong hạn mức và được miễn tiền sử dụng đất;
- b) Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở trong hạn mức giao đất và được miễn tiền sử dụng đất;
- c) Giao đất nông nghiệp trong hạn mức và không thu tiền sử dụng đất;
- d) Cho thuê đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp để sản xuất và được miễn tiền thuê đất;
- đ) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân thiếu đất ở, đất nông nghiệp sẽ được giao bổ sung thêm đất ở, đất nông nghiệp hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở cho bằng hạn mức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;
- e) Diện tích giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại điểm a và b khoản này được tính cho tổng diện tích đất được Nhà nước giao, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai đối với người dân tộc thiểu số.

2. Trong quá trình lập phương án hỗ trợ đất đai Ủy ban nhân dân cấp huyện phải sắp xếp thứ tự ưu tiên hỗ trợ đất đai cho các hộ gia đình, cá nhân không có đất ở, đất sản xuất trước sau đó mới xem xét đến việc hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân thiếu đất ở, đất sản xuất. Tùy từng trường hợp cụ thể và quỹ đất hiện có tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét diện tích hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Hộ gia đình, cá nhân đã được hỗ trợ giao đất nông nghiệp để sản xuất, khi thuê đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sẽ không được miễn tiền thuê đất theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 5. Về phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Các đối tượng được hưởng các chính sách hỗ trợ về đất đai theo quy định tại Nghị quyết này được miễn phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất khi thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 6. Quỹ đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai

Quỹ đất để thực hiện chính sách hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo hiện không có đất ở, đất sản xuất hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất được bố trí từ các quỹ đất sau:

1. Đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý quy định tại các điểm b, đ, e, g, i và k khoản 1 Điều 217 Luật Đất đai năm 2024. Riêng đối với điểm đ không sử dụng đất rừng đặc dụng để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai.

2. Quỹ đất do các công ty nông, lâm nghiệp bàn giao về địa phương quy định tại khoản 2 Điều 181 Luật Đất đai năm 2024.

3. Quỹ đất thu hồi thuộc các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất quy định tại khoản 29 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024.

4. Quỹ đất nông nghiệp hiện có của hộ gia đình, cá nhân để chuyển mục đích sang đất ở theo chính sách hỗ trợ đất ở.

Điều 7. Kinh phí tổ chức thực hiện

Được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khoá XIX - Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2024./.

Nơi nhận: **H₂**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Tạ Văn Long

